

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28** /2018/HSST

Ngày: 13/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Mạnh Châm và bà Trần Thị Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Doanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/HSST-QĐ ngày 30/3/2018 đối với bị cáo:

HOÀNG TIẾN B, sinh ngày 29/9/1970, tại TQ

Nơi cư trú: Thôn A, xã N, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 11/12; con ông: Hoàng Đình T, sinh năm 1928 và bà Bùi Thị S, sinh năm 1933; Vợ: Chu Thị N1, sinh năm 1971 (đã ly thân), con: Có 01 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/02/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1928

Bà Bùi Thị S, sinh năm 1933

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã N, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. Ông T và bà S có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 08/12/2017 đến ngày 13/12/2017, tại thôn A, xã N, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang, Hoàng Tiến B đã 03 lần trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Lần 1: Khoảng 08 giờ ngày 08/12/2017, B thấy bố, mẹ đẻ mình là ông Hoàng Đình T và bà Bùi Thị S không có ở nhà, B đã lấy 01 tuốc nơ vít có 02 đầu (một đầu dẹt, một đầu bốn cạnh) dài 18cm cạy cửa khung nhôm phòng riêng của ông T và bà S, vào trong phòng cạy ngăn tủ gỗ, thấy có nhiều tờ tiền loại mệnh giá 500.000đ, 200.000đ, 100.000đ, 50.000đ để trong thiếp cưới, B lấy 5.500.000đ cho vào trong túi quần, đóng ngăn tủ và đi ra ngoài đóng cửa phòng lại, sau đó đón xe ô tô khách đi sang bến xe Ê, tỉnh Thái Nguyên mua ma túy của một thanh niên không biết tên, địa chỉ để sử dụng và đã chi tiêu hết số tiền đã trộm cắp;

- Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 11/12/2017, biết ông Hoàng Đình T và bà Bùi Thị S đi bốc mộ ở phường H, thành phố TQ không có ở nhà, B lấy tuốc nơ vít cạy cửa vào trong phòng, cạy ngăn tủ gỗ lấy trộm số tiền 2.500.000đ loại mệnh giá 500.000đ cho vào trong túi quần, sau đó đón xe ô tô khách đi sang tỉnh Thái Nguyên mua ma túy và sử dụng hết số tiền đã trộm cắp;

- Lần 3: Khoảng 08 giờ ngày 13/12/2017, thấy ông Hoàng Đình T đang ở ngoài giếng nước, bà Bùi Thị S không có ở nhà, B đi vào phòng riêng của ông T và bà S, cạy ngăn tủ gỗ mở ra lấy trộm số tiền 3.500.000đ loại mệnh giá 200.000đ, 100.000đ, 50.000đ cho vào trong túi quần, sau đó đón xe ô tô khách đi sang tỉnh Thái Nguyên mua ma túy và sử dụng hết số tiền trộm cắp.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 25/QĐ-KSĐT ngày 09 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Hoàng Tiến B về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Hoàng Tiến B, đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Về Điều luật áp dụng: Do mức hình phạt cao nhất đối với tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tù chung thân) nặng hơn so với hình phạt cao nhất đối với tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (20 năm) nên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) theo hướng có lợi cho người phạm tội.

Về mức hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Tiến B từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu huỷ 01 tuốc nơ vít kích thước dài 18cm, loại tuốc nơ vít có hai đầu kim loại, đầu dẹt kích thước dài 7cm; đầu bốn cạnh kích thước dài 7cm, phần giữa tuốc nơ vít được bọc nhựa màu đen kích thước dài 4cm.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, các bị hại và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về phần bồi thường dân sự: Ông Hoàng Đình T và bà Bùi Thị S không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Hoàng Tiến B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo Hoàng Tiến B nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chobị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Tiến B tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua biên bản xác minh hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, lời khai nhận tội của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 08/12/2017 đến ngày 13/12/2017, tại thôn A, xã N, thành phố TQ, Hoàng Tiến B đã 03 lần trộm cắp tiền của ông Hoàng Đình T và bà Bùi Thị S, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 08 giờ ngày 08/12/2017, Hoàng Tiến B trộm cắp số tiền 5.500.000 đồng;

- Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 11/12/2017, Hoàng Tiến B trộm cắp số tiền 2.500.000 đồng;

- Lần 3: Khoảng 08 giờ ngày 13/12/2017, Hoàng Tiến B trộm cắp số tiền 3.500.000 đồng.

Tổng cộng, Hoàng Tiến B đã trộm cắp 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Do mức hình phạt cao nhất đối với tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nặng hơn so với hình phạt cao nhất đối với tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo (theo hướng có lợi cho người phạm tội) là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có bố là ông Hoàng Đình T và mẹ là bà Bùi Thị S đã được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án số 19/2011/HSST ngày 28/02/2011), sau khi chấp hành án trở về địa phương bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận xử bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra ông Hoàng Đình T và bà Bùi Thị S không có yêu cầu, đề nghị gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 tuốc nơ vít kích thước dài 18cm, loại tuốc nơ vít có hai đầu kim loại, đầu dẹt kích thước dài 7cm; đầu bốn cạnh kích thước dài 7cm, phần giữa tuốc nơ vít được bọc nhựa màu đen kích thước dài 4cm là phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy của Hoàng Tiến B, ngày 23/12/2017 Công an xã N, thành phố TQ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt 1.500.000 đồng đối với B, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm s, x khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Tiến B phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Hoàng Tiến B 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 16/12/2017.

Căn cứ vào: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu huỷ 01 tuốc nơ vít kích thước dài 18cm, loại tuốc nơ vít có hai đầu kim loại, đầu dẹt kích thước dài 7cm; đầu bốn cạnh kích thước dài 7cm, phần giữa tuốc nơ vít được bọc nhựa màu đen kích thước dài 4cm (*Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 02/4/2018*)

Về án phí: Bị cáo Hoàng Tiến B phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Phạm Ngọc Hà

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND thành phố;
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Phạm Ngọc Hà